

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302 /2021/HNST

Ngày: 09/3/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở.

2. Bà Lê Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - **B L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21 /2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5169/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26054/2020/QĐST-DS ngày 16/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Hoàng C**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **B B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Lâm Mỹ T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **Đường Số F R Schio V** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn ông **Lê Hoàng Cao** trình **b**:

Ông và bà **Lâm Mỹ T** chung sống có đăng ký kết hôn số 133, quyển số 01/2015, ngày 12/8/2015 tại **Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Hiện tại cuộc hôn nhân giữa ông

và bà **T** chỉ tồn tại về mặt pháp lý mà không có hạnh phúc gia đình. Ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ không thành, ông xin ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông **C** có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông **Lê Hoàng C** nộp đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”. Bà **Lâm Mỹ T** đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông **Lê Hoàng C** và bà **Lâm Mỹ T** có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn thời gian mở phiên họp hoà giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà **Lâm Mỹ T** không có văn bản trả lời.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5169/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 16/11/2020. Quyết định đưa vụ án ra xét xử này đã được thông báo trong văn bản ủy thác tư pháp cho bà **T** nhưng bà **T** vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định thời hạn mở phiên toà lần thứ hai là ngày 09/3/2021. Đồng thời có văn bản số 46 /TATP-TGĐVNCTN ngày 16/11/2020 gửi Bộ Tư pháp yêu cầu thông báo về kết quả uỷ thác.

Tại văn bản số 2468/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp: Cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa Italia thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đã gửi hồ sơ cho bà **Lâm Mỹ T**. Tuy nhiên, đến hôm nay, Tòa án không nhận được thông tin cũng như ý kiến phản hồi của bà **T** và bà **T** tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy, cuộc sống chung giữa ông C và bà T không hạnh phúc, Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã không có văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông C và bà T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực, ông C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực ngày 01/7/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hoàng C.

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng C được ly hôn với bà Lâm Mỹ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01/2015 do ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/8/2015 không còn giá trị pháp lý

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hoàng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/ 0045411 ngày 07/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Hoàng C đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ về việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông **Lê Hoàng C** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà **Lâm Mỹ T** được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại **TP . HCM**;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường 15, Quận 8;
- Lưu: VT, HS (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp